

# ĐÁNH GIÁ TRẮC NGHIỆM KỸ NĂNG ĐỌC HIỂU CỦA NGƯỜI VIỆT KHI HỌC NGOẠI NGỮ

NGUYỄN QUANG THUẤN\*

Ngày nhận bài: 10/09/2017; ngày sửa chữa: 18/09/2017; ngày duyệt đăng: 02/10/2017.

**Abstract:** Assessment of communicative skills in general and reading comprehension skills in particular plays an important role in the teaching and learning foreign languages at all levels, particularly at the university level. Of the five communication skills, we particularly concern about the reading comprehension assessment. The contents, methods and tools to evaluate are always the top concerns of the didacticians, the teachers and researchers. This article mentions evaluation of skills of reading comprehension of Vietnamese in learning foreign languages and points out criteria, tools as well as the process of evaluation these skills.

**Keywords:** Assessment, reading comprehension skill, foreign languages.

## 1. Đặt vấn đề

Đọc hiểu, nghe hiểu, diễn đạt nói và diễn đạt viết là 4 kỹ năng quan trọng nhất mà người học ngoại ngữ phải lĩnh hội, rèn luyện, phát triển trong quá trình học tập. Kỹ năng đọc hiểu (KNĐH) lại càng quan trọng khi mà các nhà nghiên cứu về lí luận dạy học đều khẳng định rằng học một ngôn ngữ phải bắt đầu bằng học các kỹ năng tiếp nhận: đọc hiểu hoặc nghe hiểu. Kỹ năng xây dựng nghĩa của một văn bản là “trung tâm” của tất cả các hoạt động giao tiếp và học của con người (Smith, 1979). Đồng thời, đánh giá KNĐH có vai trò đặc biệt quan trọng nhằm giúp người học tự nhận biết mức độ tiếp thu kiến thức trong/sau quá trình học tập. Qua việc đánh giá kỹ năng này, người dạy có thể tự rút ra được những ưu khuyết điểm trong quá trình truyền đạt kiến thức, từ đó có thể khắc phục những hạn chế cũng như phát huy những điểm mạnh nhằm đạt được mục tiêu dạy/học đã đề ra.

Tuy nhiên, đánh giá đọc hiểu hiện nay vẫn còn tồn tại một số bất cập cần tiếp tục được nghiên cứu, thảo luận nhằm tìm ra các giải pháp tối ưu giúp người dạy và người học nâng cao hiệu quả dạy và học theo “Khung tham chiếu châu Âu” và “Khung năng lực ngoại ngữ mới” do Bộ GD-ĐT ban hành hiện nay. Vậy, đánh giá KNĐH cần dựa trên những tiêu chí nào? nguồn tài liệu sao cho phù hợp?... Bài viết này đề cập một số vấn đề lí luận chung về những tiêu chí và công cụ cần thiết mà người dạy cũng như người học cần phải theo trong quá trình dạy học ngoại ngữ nói chung, dạy học tiếng Pháp nói riêng.

## 2. Đánh giá kỹ năng đọc hiểu

**2.1. Tiêu chí đánh giá.** Ngày nay, ở Việt Nam, học, dạy và đánh giá đều dựa theo “Khung tham chiếu châu Âu” và theo “Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam” nên đánh giá KNĐH cũng phải dựa theo các cấp độ của “Khung tham chiếu châu Âu”. Dưới đây là các “đặc tả”

Bậc	Mức độ đạt
Bậc 1 - A1	- Hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề đã học như bản thân, gia đình, trường lớp, bạn bè...
Bậc 2 - A2	- Hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể, có thể sử dụng những từ thường gặp trong công việc hoặc đời sống hằng ngày.
Bậc 3 - B1	- Hiểu các văn bản về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình.
Bậc 4 - B2	- Có thể đọc một cách tương đối độc lập, có khả năng điều chỉnh cách đọc và tốc độ đọc theo từng dạng văn bản và mục đích đọc cũng như sử dụng các nguồn tham khảo phù hợp một cách có chọn lọc. Có một lượng lớn từ vựng chủ động phục vụ quá trình đọc nhưng có thể vẫn còn gặp khó khăn với các thành ngữ ít xuất hiện.
Bậc 5 - C1	- Hiểu chi tiết các văn bản dài, phức tạp, kể cả các văn bản không thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình, với điều kiện được đọc lại các đoạn khó.
Bậc 6 - C2	- Hiểu, lựa chọn và sử dụng có phê phán hầu hết các thể loại văn bản, bao gồm các văn bản trừu tượng, phức tạp về mặt cấu trúc, hay các tác phẩm văn học và phi văn học. - Hiểu được nhiều loại văn bản dài và phức tạp, cảm thụ được những nét khác biệt nhỏ giữa các văn phong, giữa nghĩa đen và nghĩa bóng.

chung các cấp độ của KNĐH được xác định trong “Khung tham chiếu châu Âu” và “Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc” chung cho Việt Nam.

Việc nắm rõ các mức độ cần đạt theo từng bậc học vô cùng quan trọng, giúp người dạy có thể chọn lựa chính xác hơn các nguồn tài liệu phù hợp trong quá trình giảng dạy cũng như đánh giá quá trình hay kết quả học tập của người học.

**2.2. Chọn lựa tài liệu để đánh giá KNĐH.** Trình độ của người học là một trong những yếu tố quyết định việc chọn các phương tiện hay tài liệu đọc hiểu. Bài đọc phải

\* Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội

xác định được khối lượng thích hợp các yếu tố ngôn ngữ chưa biết và đã biết. Theo nguyên tắc chung, phải cung cấp một số từ vựng cho người học để họ không gặp khó khăn về từ vựng của văn bản dẫn đến tình trạng nản chí ngay khi bắt đầu đọc. Điều quan trọng là phải tìm kiếm các tài liệu đọc có phù hợp với người học, giúp tạo hứng thú trong quá trình học tập. Người học làm quen với các loại văn bản khác nhau trong các ngữ cảnh, tình huống, chủ đề khác nhau. Do đó, cần lựa chọn các tài liệu đọc liên quan các chủ đề phổ biến mà người học thật sự muốn quan tâm, từ đó thu hút sự tò mò, chú ý của họ. Giảng viên (GV) có thể sử dụng một số tài liệu viết do chính người học cung cấp, vì điều này giúp họ hưng phấn hơn, họ sẽ có cảm giác được xem là “trung tâm” của quá trình học.

Các tài liệu viết để đánh giá kĩ năng này có thể được lấy từ các nguồn khác nhau nguồn như: các tờ rơi, sách hướng dẫn, bản vẽ, thư mục, biểu mẫu, các bài báo trong các tạp chí hình, quảng cáo... Tuy nhiên, cần hạn chế các tài liệu trích dẫn quá dài, nội dung “mơ hồ”, không liên quan đến vấn đề người học không quan tâm, hay những vấn đề xa rời thực tế, nhằm tránh sự nhầm lẫn cho người học khi bắt đầu đọc. Nói một cách khác, trước khi đưa ra các bài tập đánh giá, cần kiểm tra trình độ nhận thức của người học. Cụ thể, người giảng dạy phải nắm rõ các mức độ phải đạt của người học theo từng cấp độ được cụ thể hóa như sau:

- *Ở cấp A1*: người học có thể hiểu nội dung của một văn bản, thông tin khá đơn giản nếu kèm theo một tài liệu trực quan với các chỉ dẫn ngắn gọn và đơn giản.

- *Ở cấp A2*: người học có thể hiểu một quy định khi viết những bài viết đơn giản, làm theo các hướng dẫn để sử dụng một thiết bị thông thường như điện thoại công cộng, xác định thông tin có liên quan trên hầu hết các bài viết đơn giản, tìm thấy các thông tin cụ thể trong các tài liệu như tờ rơi, thực đơn, thông báo, bản kiểm kê hoặc lịch biểu..., nhận ra các thông tin chính của các bức thư thông thường như: yêu cầu thông tin, đơn đặt hàng, xác nhận, hay những bức thư cá nhân đơn giản.

- *Ở cấp B1*: người học có thể xác định được các kết luận chính của một văn bản nghị luận, và nhận ra được mạch lập luận. Nói chung, họ có thể nhận ra những điểm quan trọng của một bài viết trên báo về một chủ đề quen thuộc nào đó. Nói cách khác, ở cấp độ này, người học có thể hiểu, mô tả được các sự kiện, cảm xúc của bản thân, có khả năng đọc một văn bản dài và tìm ra được thông tin cần tìm hoặc có thể tập hợp các thông tin từ các phần khác nhau của văn bản để hoàn thành yêu cầu bài đề ra, có thể tìm thấy và hiểu thông tin quan trọng trong các bài viết hàng ngày như thư từ, tờ rơi và tài liệu chính thức ngắn.

- *Ở cấp B2*: người học có thể hiểu một cách bao quát các hướng dẫn dài và phức tạp trong bài liên quan đến lĩnh vực chuyên môn bản thân với điều kiện được đọc lại những đoạn khó trong bài, cũng như có thể lấy thông tin, ý tưởng ẩn chứa trong đó, hoặc có thể hiểu các bài viết, các báo cáo về những vấn đề đương đại. Có thể nói, với những người học ở cấp B2 này, bản thân họ có thể đọc một văn bản dài và phức tạp, để nhận ra các điểm quan trọng, nhanh chóng xác định nội dung và tính xác đáng của một thông tin, một bài viết hay một bài phóng sự trong một loạt các chủ đề nghề nghiệp.

- *Ở cấp C1*: người học có thể hiểu chi tiết một loạt các văn bản, các hướng dẫn dài và phức tạp, liên quan đến lĩnh vực của mình hoặc những vấn đề đương đại hơn với điều kiện được đọc lại những đoạn khó. Họ có thể hiểu bất kì loại thư từ nào mà không cần đến việc sử dụng từ điển, hoặc nắm bắt được những điểm quan trọng của một văn bản dài và phức tạp.

- *Ở cấp C2*: người học có khả năng hiểu mọi vấn đề với những sắc thái khác nhau và tinh tế hơn. Ở cấp này, việc chọn lựa nguồn tài liệu sẽ là điều dễ dàng hơn rất nhiều cho người dạy so với các cấp độ trên bởi trình độ người học lúc này là khá cao.

### **3. Các công cụ thường dùng trong đánh giá KNĐH**

Các công cụ đánh giá kĩ năng nhiều, nhưng các công cụ đánh giá đọc hiểu không nhiều, chủ yếu là các loại sau: câu hỏi đúng/ sai, trắc nghiệm điền khuyết, câu hỏi nhiều lựa chọn (QCM), các câu hỏi với câu trả lời mở và ngắn (QROC), định dạng lại từ bản gốc cho sẵn, lập bảng biểu, sơ đồ, sắp xếp lại văn bản... Sự lựa chọn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau: mục tiêu đánh giá, nội dung đánh giá, thời lượng đánh giá, phương tiện và vật chất... (Morissette, 1996; Nguyen, 2002). Dưới đây là một số công cụ hay kĩ thuật thường được sử dụng trong đánh giá KNĐH.

**3.1. Câu hỏi đúng - sai - không biết hoặc không thể trả lời được.** Đây là dạng những câu hỏi đóng. Trước đây, người ta ít dùng kĩ thuật loại “Đúng/Sai”, song do nhược điểm của loại kĩ thuật này là người học có thể trả lời đúng với xác suất 50% mà không cần đọc kĩ văn bản. Vì vậy, ngày nay người ta thêm vào phần “Không biết” hoặc “Không thể trả lời được” để hạn chế xác suất câu trả lời đúng ngẫu nhiên. Loại kĩ thuật này thường đòi hỏi người học khẳng định hoặc bác bỏ các thông tin chứa trong câu hỏi và thường kèm theo “Không biết” hoặc “Không thể trả lời được”. Điều này có nghĩa thông tin chứa trong văn bản không cho phép người học có thể khẳng định hay bác bỏ câu hỏi. Ngoài ra, kĩ thuật này có ưu điểm giúp người giảng dạy có thể bổ sung, điều chỉnh nội dung giảng dạy.

**3.2. Trắc nghiệm điền khuyết.** Ở dạng bài tập này, người học phải điền vào mỗi khoảng trống với các từ thích hợp. Trong phần cung cấp thông tin, phải bao gồm những từ hoặc cụm từ cho trước, số từ (cụm từ) phải nhiều hơn số chỗ trống cần điền để tăng sự cân nhắc của người học khi lựa chọn. Cũng có thể không có phần cung cấp thông tin. Họ phải tự tìm từ hoặc cụm từ thích hợp để điền vào chỗ trống và mỗi chỗ trống chỉ có một từ (cụm từ) được chọn là điền đúng. Dạng này khó hơn nên có thể dành cho những người học có trình độ khá, giỏi.

Khi soạn thảo dạng bài tập này người dạy cần lưu ý các điểm sau: - Bảo đảm mỗi chỗ trống chỉ điền được 1 từ hoặc cụm từ. Không được chừa 2 chỗ trống gần nhau; - Mỗi câu nên chỉ có 1 hoặc 2 chỗ trống, được bố trí ở giữa hay cuối câu. Độ dài của các khoảng trống nên bằng nhau để người học không đoán được từ (cụm từ) phải điền là dài hay ngắn; - Tránh dùng những câu trích nguyên văn trong tài liệu trích vì sẽ khuyến khích người học thuộc lòng, “học vẹt”, thiếu tư duy khi làm bài; - Tránh sử dụng các từ hoặc cụm từ cần điền không có ý nghĩa hoặc không liên hệ quan gì đến câu hỏi; - Cụm từ cần điền quá dài.

**3.3. Câu hỏi với nhiều lựa chọn.** Đây là loại câu hỏi có nhiều lựa chọn, có nghĩa là người học phải chọn một câu trả lời trong một số câu trả lời gợi ý mà trong các câu trả lời gợi ý này chỉ có một câu đúng hoặc đúng hơn cả. Cũng có những câu hỏi có hơn một câu trả lời đúng và trong trường hợp này phải chỉ rõ trong yêu cầu làm bài. Khó khăn ở đây chính là các câu hỏi và các câu trả lời gợi ý sẽ đòi hỏi người học phải hiểu ngoài việc phải hiểu văn bản đọc. Các câu hỏi có thể không phản ánh việc hiểu văn bản. Và lại, khi người học trả lời sai sẽ khó có thể biết được lí do người học không hiểu văn bản hay không hiểu câu hỏi. Loại kĩ thuật này cho phép đo kiểm tra sản phẩm hơn là quá trình. Phương pháp cho điểm khách quan, bởi người chấm không phải đánh giá gì thêm.

Đây là dạng bài tập khá quen thuộc với người học. Tuy nhiên, không vì thế mà mức độ khó của dạng bài này giảm đi. Trong làm bài, người học vẫn mắc phải rất nhiều sai lầm dẫn đến mất điểm một cách đáng tiếc, ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả bài thi, bài kiểm tra. Với loại bài tập này, người soạn để đánh giá cần đưa ra các câu dẫn ngắn gọn, rõ ràng và dễ hiểu tránh viết dài dòng gây mất thời gian khi người học đọc hoặc gây nhầm lẫn cho họ.

**3.4. Các câu hỏi với câu trả lời ngắn.** Trong đánh giá đọc hiểu, tốt nhất là nên dùng các tiêu mục ngắn, tức câu trả lời ngắn, điều này sẽ giúp người học chỉ phải viết ít nhất có thể. Dạng bài tập này yêu cầu người học phải hiểu thấu đáo nội dung toàn văn bản, từ đó có thể đưa ra được câu trả lời

ngắn gọn, cô đọng và xúc tích. Tránh trường hợp trích nguyên văn một câu hay đoạn trong văn bản. Chính mục đích này, các câu hỏi đưa ra yêu cầu phải đầy đủ ý, không mơ hồ và dài dòng trong cách diễn đạt.

#### **4. Các giai đoạn của quá trình đánh giá đọc hiểu**

Đánh giá đọc hiểu là đánh giá gián tiếp, vì kĩ năng này không thể quan sát trực tiếp được. Thật vậy, rất khó để biết chính xác người học đang hiểu như thế nào về một văn bản viết. Vì vậy, người đánh giá phải đo gián tiếp thông qua kết quả hiểu của người đọc. Có 7 bước khi tiến hành đánh giá sau đây:

##### **Bước 1: Xác định mục tiêu của bài đánh giá.**

Nhìn chung, trong đánh giá đọc hiểu, mục đích nhằm kiểm tra năng lực, trình độ hiểu văn bản của người học dưới dạng các bài tập. Tuy nhiên bài đánh giá cũng có thể nhằm vào đánh giá quá trình có nghĩa là các kĩ năng, các chiến lược mà người đọc sử dụng để hiểu văn bản như một sản phẩm, có nghĩa là kết quả hiểu văn bản mà không cần biết tiến trình, phương pháp, kĩ năng, chiến lược sử dụng để hiểu...

**Bước 2: Kế hoạch hóa bài đánh giá.** Kế hoạch hoá một bài đánh giá KNDH nói riêng là khâu cực kì quan trọng cho phép xây dựng một bài tập chuẩn, chất lượng. Sau khi xác định mục tiêu, mục đích của kiểm tra - đánh giá, phải xác định nội dung cần đánh giá, thông qua việc xây dựng “ma trận” bài đặt ra. Nhìn chung, chính ở giai đoạn này mà người ta quyết định xem bài đánh giá sẽ nhằm đánh giá cấp độ hiểu nào: hiểu khái quát, hiểu sâu hay chỉ là nhận biết các loại hình văn bản... Người ta thường dựa vào phân loại kiến thức, năng lực của Bloom để thiết kế, xây dựng trắc nghiệm, để đánh giá. Đối với đánh giá KNDH, điều quan trọng là phải nhớ lại người đọc đã đọc như thế nào. Nhìn chung, phải biết rằng cái mà người đọc đang đọc và hiểu vì mục đích gì. Vậy thích hợp nhất là khi kế hoạch hoá bài đánh giá phải nghĩ đến các phương tiện gì cần sử dụng để chuẩn bị cho người học hiểu rõ văn bản.

**Bước 3: Lựa chọn công cụ hay kĩ thuật chính xác và chuẩn vị các nhiệm vụ.** Nhiệm vụ này thường là hình thức đưa ra câu hỏi để người học trả lời hoặc các nhiệm vụ mà người học phải thực hiện theo văn bản. Điều quan trọng là phải thiết kế các nhiệm vụ càng xác thực càng tốt, các nhiệm vụ tương ứng với những mục tiêu mà người học cần đạt được. Có những bài viết yêu cầu đọc cẩn thận và chi tiết, các văn bản khác yêu cầu đọc có lựa chọn, ví dụ, tìm kiếm thông tin trong một bảng mục lục hoặc một cuốn danh bạ điện thoại. Trong cùng một bài học, đọc một bài báo về một sự kiện có thể yêu cầu người đọc hiểu được bản chất của thông tin,

trong khi đọc một bài xã luận giả định rằng họ hiểu các vấn đề quan trọng được nêu ra trong văn bản. Hầu hết các kĩ thuật đánh giá được áp đặt từ bên ngoài và thêm một nhiệm vụ để hiểu văn bản. Những kĩ thuật này bao gồm các bài kiểm tra điền chỗ trống, câu hỏi trắc nghiệm, câu hỏi trả lời ngắn, và tóm tắt.

Ở bước này, nhiệm vụ đánh giá tương ứng với những gì mà người học phải thực hiện để đạt được mục tiêu của mình.

**Bước 4: Tiến hành đánh giá.** Tương tự các bài tập kiểm tra nghe hiểu, điều quan trọng là cung cấp cho người học những thông tin trong ngữ cảnh mà họ cần để tiếp cận văn bản. Quan trọng là phải đảm bảo rằng người học hiểu các nhiệm vụ họ phải hoàn thành và có thời gian để họ đặt câu hỏi về xác minh. Tùy thuộc vào mức độ, sẽ có thể quyết định xem giai đoạn này diễn ra trong ngôn ngữ mẹ đẻ hay trong tiếng nước ngoài.

**Bước 5: Chấm và cho điểm.** Trong đánh giá KNDH, các lỗi ngữ pháp, chính tả không tính, tức người học sẽ không bị trừ điểm các lỗi này. Chỉ quan tâm đến câu trả lời đúng về mặt ngữ nghĩa, hay đúng hơn là thông tin cần chọn. Đối với dạng câu hỏi “Đúng/Sai”, nếu yêu cầu bài đòi hỏi phải chứng minh thì cho thêm điểm nếu người học chứng minh đúng.

**Bước 6: Phân tích các tiểu mục và các nhiệm vụ.** Nhất thiết phải phân tích độ khó của bài kiểm tra - đánh giá (Nguyen, 2011). Độ khó của bài tương ứng với độ khó của các tiểu mục. Điều này cho phép sử dụng loại tiểu mục nào phù hợp, nếu người học gặp khó khăn với loại bài tập điền chỗ trống (*Test de closure*), có thể dùng loại “*bảy từ gạch một*” thậm chí có thể “*mười từ gạch một*” thay vì “*năm từ gạch một*”... nhưng tối đa là “*mười hai từ gạch một*”. Độ khó của bài được tính theo công thức: độ khó = số người học làm đúng các tiểu mục chia cho tổng số người học trả lời các tiểu mục, độ khó càng cao tiểu mục càng dễ. Ví dụ: - Trong một bài tập đã cho, có 10/20 người học trả lời đúng câu hỏi hay xử lí đúng một tiểu mục nào đó, độ khó sẽ được tính là  $10/20 = 0.5$  - độ trung bình, tiểu mục khó ở mức độ vừa phải; - Trong một bài tập khác, 10/100 người học trả lời đúng một câu hỏi hay xử lí đúng một tiểu mục nào đó, độ khó sẽ được tính là  $10/100 = 0.1$  - độ khó nhỏ, tiểu mục rất khó; - Hoặc trong một bài tập khác, 50/50 tổng số người học trả lời đúng một câu hỏi hay xử lí đúng một tiểu mục nào đó, độ khó sẽ được tính là  $50/50 = 1$  - độ khó quá lớn, tiểu mục quá khó.

Người ra bài kiểm tra - đánh giá vẫn có thể giữ lại một bài tập với độ khó rất nhỏ tùy theo mục đích của bài đánh giá. Về mặt lí thuyết, độ khó của tiểu mục được phép

dao động từ 0.4 đến 0.7. Mặt khác, cũng tùy thuộc vào mục tiêu của đánh giá: đánh giá tiêu chí hay đánh giá chuẩn. Vì vậy, cần phải loại bỏ và thay thế các tiểu mục “kém chất lượng”, xem lại nhiệm vụ của người học, căn cứ vào mục tiêu dạy hay mục tiêu đánh giá. Thậm chí có thể thay thế cả văn bản đọc khi cần thiết. Về độ phân loại của bài tập, đây là một đặc tính vô cùng quan trọng. Cách tính độ phân loại phức tạp hơn, độ phân loại lí tưởng của một bài tập là 1. Tuy nhiên, trên thực tế, khi đạt được độ phân loại này về mặt lí thuyết độ khó cho phép dao động từ 0.3 đến 0.8.

**Bước 7: Tổng kết, đánh giá kết quả bài kiểm tra - đánh giá.** Sau khi ra bài kiểm tra - đánh giá, người dạy cần phải xem lại bài mình đã cho người học làm nhằm tìm ra được điểm mạnh, điểm yếu giúp cho việc thiết kế và xây dựng tốt hơn các bài tập sau. Khuyến khích sử dụng lại các bài đã sử dụng có chỉnh sửa, thay đổi ít nhiều cho phù hợp đối tượng học và thời gian học. Điều này được cho phép bởi theo thời gian, đa phần người học luôn thay đổi và không phải là người học cũ trước đó.

## 5. Kết luận

Khi xây dựng các công cụ kiểm tra - đánh giá, cụ thể là các nguyên tắc, kĩ thuật và các bước tiến hành thiết kế một trắc nghiệm đánh giá KNDH có chất lượng, đòi hỏi các tác giả soạn thảo đề thi hay kiểm tra, người dạy phải nắm chắc lí luận kiểm tra - đánh giá, đặc biệt là nắm vững các nguyên tắc và kĩ thuật thiết kế, xây dựng các loại hình trắc nghiệm khác nhau, soạn thảo các loại tiểu mục khác nhau. Việc làm này sẽ góp phần mang lại hiệu quả rất lớn trong dạy học ngoại ngữ, tạo nên những “sản phẩm” chất lượng đáp ứng nhu cầu phát triển KT, XH cho một quốc gia hay vùng miền trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay. □

## Tài liệu tham khảo

- [1] Conseil de l'Europe, (2001). *Un cadre européen commun de référence pour les langues: apprendre, enseigner, évaluer*. Paris: Didier..
- [2] Morissette, D. (1996). *Évaluation sommative*. Québec (Canada): Éditions du Renouveau Pédagogique Inc.
- [3] Nguyễn Quang Thuấn (2002). *Xây dựng một công cụ kiểm tra - đánh giá trong dạy và học ngoại ngữ*. Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, T. XVIII, N°2, 23-31.
- [4] Nguyễn Quang Thuấn (2011). *Chuẩn đánh giá trong dạy và học ngoại ngữ*. Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, 27, 2, 115-123.
- [5] Smith, F. (1979). *La compréhension et l'apprentissage*. Montréal : HRW.